

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2598 /BTC-KHTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

V/v công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2019 của Bộ Tài chính (Quản lý ngành)

Kính gửi: Cục Tin học và Thống kê tài chính.

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Bộ Tài chính (Cục Kế hoạch - Tài chính) đề nghị Cục Tin học và Thống kê tài chính đăng tải công khai thuyết minh tình hình và số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 của Bộ Tài chính (Quản lý ngành) trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính theo Mẫu biểu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính (đính kèm).

Đề nghị Cục Tin học và Thống kê tài chính phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Vụ HCSN;
- Lưu: VT, KHTC.

(05b)

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. CỤC TRƯỞNG CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Ngô Thị Nhung**



# **BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2019**

*(Kèm theo Công văn số 2598 /BTC-KHTC  
ngày 09/3/2020 của Bộ Tài chính)*

---

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Bộ Tài chính (Quản lý ngành) công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2019 (đến hết ngày 31/01/2020) của Bộ Tài chính (Quản lý ngành) như sau:

## **I. Tình hình thực hiện dự toán thu phí:**

1. Dự toán thu phí Bộ Tài chính (Quản lý nhà nước) giao cho Bộ Tài chính (Quản lý ngành) thực hiện năm 2019 là 409.890 triệu đồng, trong đó số thu phí được để lại sử dụng là 402.870 triệu đồng.

2. Dự toán thu phí Bộ Tài chính (Quản lý ngành) giao cho các đơn vị dự toán thuộc Bộ thực hiện là 460.090 triệu đồng, trong đó số thu phí các đơn vị được để lại sử dụng là 450.785 triệu đồng, cụ thể: phí Hải quan 180.000 triệu đồng; phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán 175.000 triệu đồng; phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm 34.500 triệu đồng; phí cho vay lại và phí bảo lãnh được để lại 61.000 đồng; phí thẩm định đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá 285 triệu đồng.

3. Lũy kế thực hiện đến hết năm 2019:

- Số thu phí các đơn vị dự toán thuộc Bộ thực hiện là 545.077 triệu đồng, trong đó số thu phí các đơn vị được để lại sử dụng là 537.104 triệu đồng, đạt 119,1% số dự toán thu được để lại sử dụng (450.785 triệu đồng), gồm: phí Hải quan 272.278 triệu đồng; phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán 157.842 triệu đồng; phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm 37.681 triệu đồng; phí cho vay lại và phí bảo lãnh được để lại 76.951 đồng; phí thẩm định đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá 325 triệu đồng.

- Số thu phí nộp NSNN là 7.973 triệu đồng, gồm: phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán 7.892 triệu đồng; phí thẩm định đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá 81 triệu đồng.

## **II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:**

1. Tổng dự toán chi thường xuyên nguồn NSNN năm 2019 là 25.494.716 triệu đồng, bao gồm:

- Chi quản lý hành chính: 23.810.877 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: 228.224 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 72.603 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 450 triệu đồng.
- Chi hoạt động kinh tế: 576.542 triệu đồng.
- Chi quan hệ tài chính với nước ngoài: 4.100 triệu đồng.
- Chi đảm bảo xã hội: 801.920 triệu đồng.

2. Lũy kế giải ngân năm 2019 (đến hết ngày 31/01/2020) là 21.827.393 triệu đồng, đạt 85,6%, bao gồm:

- Chi quản lý hành chính: 20.192.667 triệu đồng, đạt 84,8%.
  - Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: 222.502 triệu đồng, đạt 97,5%.
  - Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 50.300 triệu đồng, đạt 69,3%.
  - Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 443 triệu đồng, đạt 98,4%.
  - Chi hoạt động kinh tế: 555.634 triệu đồng, đạt 96,4%.
  - Chi quan hệ tài chính với nước ngoài: 4.100 triệu đồng, đạt 100%.
  - Chi đảm bảo xã hội: 801.747 triệu đồng, đạt 100%.
-



**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019**  
(Kèm theo Công văn số 2371/BTC-KHTC ngày 23/10/2020 của Bộ Tài chính)

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Bộ Tài chính công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2019 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>460.090</b>	<b>545.077</b>	<b>118,5%</b>	<b>91,7%</b>
1	Phí Hải quan	180.000	272.278	151,3%	117,4%
2	Phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán	184.210	157.842	85,7%	59,3%
3	Phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm	34.500	37.681	109,2%	148,2%
4	Phí cho vay lại và phí bảo lãnh được để lại	61.000	76.951	126,1%	108,7%
5	Phí thẩm định đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	380	325	85,6%	86,5%
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>544.570</b>	<b>431.512</b>	<b>79,2%</b>	<b>141,7%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>544.570</b>	<b>431.512</b>	<b>79,2%</b>	<b>141,7%</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	270.498	210.166	77,7%	83,9%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	331.823	221.346	66,7%	409,2%
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>9.305</b>	<b>7.973</b>	<b>85,7%</b>	<b>59,5%</b>
1	Phí Hải quan	0	0		
2	Phí quản lý và giám sát hoạt động chứng khoán	9.210	7.892	85,7%	59,3%
3	Phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm	0	0		
4	Phí cho vay lại và phí bảo lãnh được để lại	0	0		
5	Phí thẩm định đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	95	81	85,6%	86,5%
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>25.494.716</b>	<b>21.827.393</b>	<b>85,6%</b>	<b>99,1%</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>25.494.716</b>	<b>21.827.393</b>	<b>85,6%</b>	<b>99,1%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>23.810.877</b>	<b>20.192.667</b>	<b>84,8%</b>	<b>95,7%</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	17.095.301	15.884.570	92,9%	100,8%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.715.576	4.308.097	64,2%	80,7%
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>228.224</b>	<b>222.502</b>	<b>97,5%</b>	<b>98,3%</b>
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	44.870	44.262	98,6%	550,4%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	183.354	178.240	97,2%	81,6%
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>72.603</b>	<b>50.300</b>	<b>69,3%</b>	<b>102,7%</b>
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	49.202	28.602	58,1%	114,3%
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	35.020	16.090	45,9%	94,1%
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	14.182	12.512	88,2%	158,2%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	8.422	7.798	92,6%	102,1%

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2019 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.979	13.900	92,8%	85,2%
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	<b>450</b>	<b>443</b>	<b>98,4%</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	450	443	98,4%	49,0%
<b>5</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>576.542</b>	<b>555.634</b>	<b>96,4%</b>	<b>84,8%</b>
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	576.542	555.634	96,4%	84,8%
<b>6</b>	<b>Chi quan hệ tài chính với nước ngoài</b>	<b>4.100</b>	<b>4.100</b>	<b>100,0%</b>	<b>136,7%</b>
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0,0%	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.100	4.100	100,0%	136,7%
<b>7</b>	<b>Chi đảm bảo xã hội</b>	<b>801.920</b>	<b>801.747</b>	<b>100,0%</b>	<b>71266,4%</b>
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (1)	800.000	800.000	100,0%	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (CTMT đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy - Nội dung phòng chống tội phạm và ma túy)	1.920	1.747	91,0%	155,3%

**Ghi chú:**

(1) Thực hiện theo dõi và đánh giá giải ngân từ niên độ ngân sách năm 2019.